

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	...	<b>8,604,153,143</b>	<b>6,175,243,694</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	...	<i>962,585,594</i>	<i>192,374,348</i>
1. Tiền	111	V.01	962,585,594	192,374,348
2. Các khoản tương đương tiền	112	...		
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.02</i>	<i>0</i>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	...		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	...		
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<i>130</i>	...	<i>4,895,369,990</i>	<i>3,341,765,259</i>
1. Phải thu khách hàng	131	...	4,615,851,039	3,114,612,360
2. Trả trước cho người bán	132	...	521,598,709	372,750,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	...		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	...		
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	44,597,542	59,172,399
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	...	-286,677,300	-204,769,500
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	...	<i>1,787,577,167</i>	<i>1,541,282,952</i>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	1,787,577,167	1,541,282,952
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	...		
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	...	<i>958,620,392</i>	<i>1,099,821,135</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	...	313,800,984	234,564,078
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	...		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	155	...	644,819,408	865,257,057
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	...	<b>103,056,797,809</b>	<b>107,613,492,181</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>	...	<i>0</i>	<i>0</i>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	...		
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	...		
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	214	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	...		
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>	...	<i>82,415,329,096</i>	<i>86,276,972,252</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	82,327,972,217	86,145,331,733
- Nguyên giá	222	...	148,619,139,538	148,021,539,307
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	...	-66,291,167,321	-61,876,207,574
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	...		
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	...		
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	87,356,879	131,640,519
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>	<i>V.12</i>		<i>0</i>
- Nguyên giá	241	...		
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	...		
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	...		<i>0</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251	...		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	...		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	...		
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>	...	<i>20,641,468,713</i>	<i>21,336,519,929</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	20,641,468,713	21,336,519,929
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268	...		
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>250</b>		<b>111,660,950,952</b>	<b>113,788,735,875</b>

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	...	<b>9,905,523,746</b>	<b>10,148,981,862</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	...	<b>5,709,306,560</b>	<b>5,952,764,676</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2. Phải trả người bán	312	...		436,700,000
3. Người mua trả tiền trước	313	...	740,000,000	740,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3,670,068,441	3,252,078,074
5. Phải trả công nhân viên	315	...	708,494,739	832,705,909
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317	...		
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	...		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	193,642,719	203,218,451
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	...		
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	...	397,100,661	488,062,242
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	...	<b>4,196,217,186</b>	<b>4,196,217,186</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	...		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333	...		
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	4,074,639,700	4,074,639,700
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	...	121,577,486	121,577,486
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	...		
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	...		
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339	...		
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.22	<b>101,755,427,206</b>	<b>103,639,754,013</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	...	<b>101,755,427,206</b>	<b>103,639,754,013</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	...	50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	...		
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	...		
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	...		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	...		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	...		
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	...	23,858,500,925	23,285,021,039
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	...	5,000,000,000	4,571,762,249
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	...		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	...	22,896,926,281	25,782,970,725
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	...		
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	...	<b>0</b>	
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	...		
<b>Tổng cộng Nguồn vốn</b>	<b>430</b>		<b>111,660,950,952</b>	<b>113,788,735,875</b>

Điện Biên, ngày 08 tháng 08 năm 2011

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Hương

Bùi Xuân Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI**

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9,035,319,240	5,416,734,865
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4,414,959,747	4,358,587,071
- Các khoản dự phòng	03		81,907,800	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(43,090,277)
- Chi phí lãi vay	06		48,574,858	415,048,635
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13,580,761,645	10,147,280,294
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,359,743,223)	(1,307,463,998)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(246,294,215)	(219,326,430)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(104,262,497)	712,285,563
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		615,814,310	603,842,314
- Tiền lãi vay đã trả	13		(48,574,858)	(415,048,635)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(500,000,000)	(1,500,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(558,841,666)	(358,709,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11,378,859,496</b>	<b>7,662,860,108</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(608,648,250)	(1,011,255,273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	43,090,277
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(608,648,250)</b>	<b>(968,164,996)</b>

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		600,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(600,000,000)	(3,500,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10,000,000,000)	(5,000,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10,000,000,000)</b>	<b>(8,500,000,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>770,211,246</b>	<b>(1,805,304,888)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>192,374,348</b>	<b>3,128,188,493</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>962,585,594</b>	<b>1,322,883,605</b>

Lập ngày 08 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Hương

Bùi Xuân Tuấn

Nguyễn Văn Minh

## DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21,167,541,473	16,998,316,801
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>21,167,541,473</b>	<b>16,998,316,801</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		9,519,824,873	8,686,020,712
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>11,647,716,600</b>	<b>8,312,296,089</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		197,107,710	56,706,010
7. Chi phí tài chính	22		48,574,858	415,048,635
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48,574,858	415,048,635
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,760,930,212	2,537,218,599
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>9,035,319,240</b>	<b>5,416,734,865</b>
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		-	-
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>9,035,319,240</b>	<b>5,416,734,865</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		451,765,962	270,836,743
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>8,583,553,278</b>	<b>5,145,898,122</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		1,717	1,029

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LƠI**

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm.
- Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 57 nhân viên đang làm việc (cuối kỳ trước là 55 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung máy vi tính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI**

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

### **5. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

### **6. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 15 tháng 07 năm 2003 của Tổng Công ty Sông Đà. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 20 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa giàn làm mát không khí***

Là toàn bộ chi phí sửa chữa giàn làm mát không khí phản ánh sổ sách ngày 05 tháng 11 năm 2010 và được phân bổ trong 03 năm.

#### ***Chi phí lắp đặt trần gỗ***

Là toàn bộ chi phí cải tạo trần gỗ phản ánh sổ sách ngày 13 tháng 6 năm 2011 và được phân bổ trong 03 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOI**

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **7. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **8. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 của Chính phủ. Đồng thời Công ty được hưởng ưu đãi do là Cơ sở kinh doanh mới được thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007. Theo đó Công ty được hưởng Thuế thu nhập doanh nghiệp chi tiết như sau:

- Được hưởng thuế suất ưu đãi là 10%, áp dụng trong thời gian 15 năm (từ năm 2004 đến năm 2018).
- Được miễn thuế 03 năm (năm 2004 đến năm 2006) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2015).

Năm tài chính 2011 là năm thứ sáu Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

### **9. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty không thực hiện đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Việc đánh giá này sẽ được thực hiện vào thời điểm kết thúc năm tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán cung cấp điện thương phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi và cổ tức được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức.

### **11. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	340.938.393	173.989.765
Tiền gửi ngân hàng	621.647.201	18.384.583
<b>Cộng</b>	<b><u>962.585.594</u></b>	<b><u>192.374.348</u></b>

#### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	4.106.023.639	2.705.073.360
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	409.539.000	409.539.000
Nhà máy Thủy điện Thác Trắng	100.288.400	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.615.851.039</u></b>	<b><u>3.114.612.360</u></b>

#### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây lắp Hà Nội	30.000.000	30.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Sơn Tươi	-	312.500.000
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội	-	30.250.000
Công ty Xăng dầu Điện Biên	50.000.000	-
Công ty TNHH Minh Thành	100.000.000	-
Công ty TNHH Global ANT	141.598.709	-
Viện nghiên cứu Cơ khí	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>521.598.709</u></b>	<b><u>372.750.000</u></b>

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân phải thu cán bộ công nhân viên	44.597.542	50.529.499
Phải thu khác	-	8.642.900
<b>Cộng</b>	<b><u>44.597.542</u></b>	<b><u>59.172.399</u></b>

#### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(286.677.300)	(204.769.500)
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	(204.769.500)	(204.769.500)
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	(81.907.800)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(286.677.300)</u></b>	<b><u>(204.769.500)</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	753.750.336	740.544.065
Công cụ, dụng cụ	72.228.664	57.720.264
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	961.598.167	743.018.623
<b>Cộng</b>	<b><u>1.787.577.167</u></b>	<b><u>1.541.282.952</u></b>

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí thí nghiệm định kỳ	138.231.442	294.053.636	118.484.094	313.800.984
Chi phí làm đường vào Nhà máy	71.758.636		71.758.636	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	24.574.000	-	24.574.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>234.564.078</u></b>	<b><u>294.053.636</u></b>	<b><u>214.816.730</u></b>	<b><u>313.800.984</u></b>

### 8. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng cho CBCNV.

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	101.163.492.286	45.053.644.236	1.531.420.130	272.982.655	148.021.539.307
Tăng do mua mới				16.761.727	16.761.727
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	580.838.504	-	-	-	580.838.504
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>101.744.330.790</u></b>	<b><u>45.053.644.236</u></b>	<b><u>1.531.420.130</u></b>	<b><u>289.744.382</u></b>	<b><u>148.619.139.538</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	371.798.424	-	229.802.655	601.601.079
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	30.556.209.534	30.612.885.591	443.502.135	263.610.314	61.876.207.574
Tăng trong kỳ do trích khấu hao	2.068.369.929	2.261.425.338	76.571.004	8.593.476	4.414.959.747
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>32.624.579.463</u></b>	<b><u>32.874.310.929</u></b>	<b><u>520.073.139</u></b>	<b><u>272.203.790</u></b>	<b><u>66.291.167.321</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	70.607.282.752	14.440.758.645	1.087.917.995	9.372.341	86.145.331.733
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>69.119.751.327</u></b>	<b><u>12.179.333.307</u></b>	<b><u>1.011.346.991</u></b>	<b><u>778.865</u></b>	<b><u>82.327.972.217</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Một số tài sản cố định hữu hình là Nhà máy thủy điện và máy móc thiết bị nhà máy thủy điện có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 145.816.570.820 VND và 80.427.675.297 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
XDCB dở dang	131.640.519	536.554.864	580.838.504	87.356.879
- Công trình Thủy điện Nậm Khẩu Hu	20.412.538	-	-	20.412.538
- Công trình Thủy điện Lê Bâu	66.944.341	-	-	66.944.341
- Công trình nhà ở cho CB CNV	44.283.640	536.554.864	580.838.504	-
<b>Cộng</b>	<b>131.640.519</b>	<b>536.554.864</b>	<b>580.838.504</b>	<b>87.356.879</b>

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Lợi thế thương mại	20.961.575.485	-	827.430.000	20.134.145.485
Chi phí sửa chữa giàn làm mát không khí	374.944.444	-	66.166.668	308.777.776
Chi phí làm trần gỗ	-	198.545.452	-	198.545.452
<b>Cộng</b>	<b>21.336.519.929</b>	<b>198.545.452</b>	<b>893.596.668</b>	<b>20.641.468.713</b>

### 12. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Thành	540.000.000	540.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Khốt	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>740.000.000</b>	<b>740.000.000</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.421.887.005	1.893.469.589	1.800.000.000	1.515.356.594
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.282.280.014	451.765.962	500.000.000	1.234.045.976
Thuế thu nhập cá nhân	135.072.541	401.978.464	7.209.457	529.841.548
Thuế tài nguyên	412.838.514	590.824.323	612.838.514	390.824.323
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.252.078.074</b>	<b>3.341.038.338</b>	<b>2.923.047.971</b>	<b>3.670.068.441</b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.8.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.035.319.240	5.416.734.865
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	<b>9.035.319.240</b>	<b>5.416.734.865</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	903.531.924	541.673.487
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (50%)	(451.765.962)	(270.836.744)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>451.765.962</b>	<b>270.836.743</b>

### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện với mức 2% trên giá tính thuế.

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## **14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	139.396.879	107.596.879
Phải trả, phải nộp khác	54.245.840	95.621.572
<i>Phải trả quỹ phụ nữ, trẻ thơ, đền ơn của Tập đoàn</i>	<i>47.155.530</i>	<i>65.666.102</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>7.090.310</i>	<i>29.955.470</i>
<b>Cộng</b>	<b>193.642.719</b>	<b>203.218.451</b>

## **15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>		<b>Chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
	<b>Số đầu năm</b>			
Quỹ khen thưởng	212.722.177	233.940.085	364.821.666	81.840.596
Quỹ phúc lợi	275.340.065	233.940.000	194.020.000	315.260.065
<b>Cộng</b>	<b>488.062.242</b>	<b>467.880.085</b>	<b>558.841.666</b>	<b>397.100.661</b>

## **16. Vay và nợ dài hạn**

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Điện Biên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2001/HĐ ngày 29/06/2001, vay để đầu tư dự án: Nhà máy thủy điện Nà Lơi, thời hạn vay 12 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản của Nhà máy thủy điện Nà Lơi được đầu tư bằng vốn vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn	
Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	4.074.639.700
Trên 5 năm	
<b>Tổng nợ</b>	<b>4.074.639.700</b>

Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Điện Biên như sau:

Số đầu năm	4.074.639.700
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.074.639.700</b>

### 17. **Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	15.354.822.648	3.250.062.517	29.622.630.911	98.227.516.076
Lợi nhuận trong năm				11.469.597.722	11.469.597.722
Phân phối lợi nhuận		7.930.198.391	1.321.699.732	(10.309.257.908)	(1.057.359.785)
<i>Trích lập các quỹ</i>		<i>7.930.198.391</i>	<i>1.321.699.732</i>	<i>(9.251.898.123)</i>	-
<i>Trích quỹ KTPL</i>				<i>(1.057.359.785)</i>	<i>(1.057.359.785)</i>
Tạm ứng cổ tức				(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>23.285.021.039</b>	<b>4.571.762.249</b>	<b>25.782.970.725</b>	<b>103.639.754.013</b>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	23.285.021.039	4.571.762.249	25.782.970.725	103.639.754.013
Lợi nhuận trong kỳ	-			8.583.553.278	8.583.553.278
Phân phối lợi nhuận	-	573.479.886	428.237.751	(1.469.597.722)	(467.880.085)
<i>Trích lập các quỹ</i>	-	<i>573.479.886</i>	<i>428.237.751</i>	<i>(1.001.717.637)</i>	-
<i>Trích quỹ KTPL</i>	-			<i>(467.880.085)</i>	<i>(467.880.085)</i>
Trả cổ tức	-			(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>23.858.500.925</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>22.896.926.281</b>	<b>101.755.427.206</b>

*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn đầu tư của Tập đoàn Sông Đà	25.500.000.000	25.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

*Cổ tức*

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Trả cổ tức	10.000.000.000	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	21.167.541.473	16.681.465.840
Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	-	316.850.961
<b>Cộng</b>	<b><u>21.167.541.473</u></b>	<b><u>16.998.316.801</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	9.519.824.873	8.514.390.712
Giá vốn của dịch vụ đào tạo	-	171.630.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.519.824.873</u></b>	<b><u>8.686.020.712</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.635.488	27.615.733
Lãi ủy thác vốn	188.472.222	29.090.277
<b>Cộng</b>	<b><u>197.107.710</u></b>	<b><u>56.706.010</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phải trả trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	849.867.357	976.077.946
Chi phí vật liệu quản lý	130.366.755	77.315.391
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.813.544	187.597.427
Chi phí khấu hao TSCĐ	141.810.372	91.186.779
Thuế, phí và lệ phí	14.680.297	25.738.592
Chi phí dự phòng	81.907.800	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.967.904	236.820.061
Chi phí bằng tiền khác	1.213.516.183	942.482.403
<b>Cộng</b>	<b>2.760.930.212</b>	<b>2.537.218.599</b>

### 6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.583.553.278	5.145.898.122
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.583.553.278	5.145.898.122
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.717</b>	<b>1.029</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	330.932.159	248.341.467

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LOI

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con cùng Tập đoàn

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tập đoàn Sông Đà</b>		
Chia cổ tức	5.100.000.000	2.550.000.000
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</b>		
Ứng tiền dự án Nậm Khẩu Hu	100.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</b>	<b>100.000.000</b>	
Ứng tiền dự án Nậm Khẩu Hu	100.000.000	
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>

## 2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

## 3. Giải trình lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 tăng hơn 10% so với 6 tháng đầu năm 2010.

- Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2011: 9.035.319.240, đồng
- Lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2010: 5.416.734.865, đồng
- Tăng so với 6 tháng đầu năm 2010 là: 3.618.584.375, đồng

### **Nguyên nhân:**

- Sản lượng điện 6 tháng đầu năm 2011 cao hơn sản lượng điện 6 tháng đầu năm 2010 là: 2.820.982 KWh.
- Công ty tiết kiệm chi phí sản xuất.

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Thị Hương

Bùi Xuân Tuấn

Nguyễn Văn Minh



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI**

Địa chỉ: Xã Thanh Minh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lợi tiền thân là Nhà máy thủy điện Nà Lợi được thành lập theo Quyết định số 32/TCT-VPTH ngày 10 tháng 01 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) và chuyển thành Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lợi theo Quyết định số 1023/QĐ-BXD ngày 29 tháng 07 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2303000003 ngày 25 tháng 8 năm 2003. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 03 lần được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba, ngày 21 tháng 08 năm 2007 là 50.000.000.000 VND.

Cơ cấu vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Sông Đà	25.500.000.000	51%
Các cổ đông khác	24.500.000.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Xã Thanh Minh - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên  
Điện thoại : 023 381 0932  
Fax : 023 381 0334  
Mã số thuế : 5 6 0 0 1 7 0 4 5 0

### Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm; Thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống điện;
- Sửa chữa thiết bị điện và gia công cơ khí; Hướng dẫn, đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Thi công lắp đặt hệ thống điện, nước, thông tin; Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110KV;
- Đầu tư, xây dựng nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 23).

### Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI**  
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	25 tháng 04 năm 2007	
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	29 tháng 06 năm 2004	
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	06 tháng 07 năm 2005	
Ông Lý Quang Thái	Ủy viên	26 tháng 04 năm 2009	
Ông Hoàng Văn Anh	Ủy viên	29 tháng 04 năm 2009	28 tháng 04 năm 2011
Ông Phạm Đức Tiêm	Ủy viên	28 tháng 04 năm 2011	

***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Ngọc Ly	Trưởng ban	19 tháng 04 năm 2007	28 tháng 04 năm 2011
Ông Trần Văn Ngu	Trưởng ban	28 tháng 04 năm 2011	
Ông Bùi Xuân Tuấn	Thành viên	11 tháng 04 năm 2005	01 tháng 01 năm 2011
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	19 tháng 04 năm 2007	
Ông Dương Văn Đông	Thành viên	28 tháng 04 năm 2011	

***Ban Giám đốc***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Minh	Giám đốc	01 tháng 08 năm 2003
Ông Phạm Đức Tiêm	Phó Giám đốc	01 tháng 08 năm 2003
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Giám đốc	01 tháng 06 năm 2011

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc

**Giám đốc**

---

**Nguyễn Văn Minh**

Ngày 08 tháng 08 năm 2011

Số: 314/2011/BCTC-KTTV-KT3

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÀ LỢI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Lợi gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 08 tháng 08 năm 2011, từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

Đã ký

---

**Nguyễn Hoàng Đức**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV*

---

**Lê Xuân Bách**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1305/KTV*

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2011